

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	2012219016	Nguyễn Thị Thùy An	N20KDN	8	0	9	0		3.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
2	2012219017	Lê Thị Hồng Châu	N20KDN	8	7.5	0	0		2.5	CT	0.0	Không	Cấm thi,
3	2012219018	Nguyễn Thị Kim Dung	N20KDN	8	9	10	9.5		9.5	8.3	8.6	Tám phẩy Sáu	
4	2012219020	Trần Thị Ngọc Duyên	N20KDN	10	8.5	10	8.5		9.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
5	2012219019	Hoàng Thị Phương Duyên	N20KDN	10	7.5	8	7.5		7.7	5.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
6	2012219021	Nguyễn Thị Thanh Hiền	N20KDN	10	8	10	8		8.7	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
7	2012219022	Nguyễn Thị Kim Hoàng	N20KDN	8	7.5	10	0		5.8	V	0.0	Không	
8	2013219023	Trương Văn Long	N20KDN	8	5.5	9	7		7.2	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
9	2012219024	Nguyễn Đoàn Trà My	N20KDN	8	8	9	7.5		8.2	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
10	2012219025	Lương Nguyễn Bảo Nguyên	N20KDN	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
11	2012219026	Nguyễn Lê Phương Quyên	N20KDN	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
12	2012219027	Nguyễn Thị Lan Tiên	N20KDN	8	6	9.5	7.5		7.7	8.3	8.1	Tám phẩy Một	
13	2012219028	Phạm Lê Nhật Trinh	N20KDN	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
14	2013219029	Phạm Hữu Tuyên	N20KDN	10	9.5	10	9.5		9.7	9.3	9.5	Chín phẩy Năm	
1	1812719026	Lê Thị Kim Chung	N18DLK6	8	6	7	7		6.7	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	17432
2	1912211608	Võ Thị Đường An	N19KDN2	8	5	6	7		6.0	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	48165
3	1813719082	Nguyễn Trọng Hiếu	N18DLK4	8	5	6	5		5.3	6.0	6.0	Sáu	54002
4	1820231972	Hoàng Thị Khánh Phương	N19KDN1	8	7	8	7		7.3	V	0.0	Không	40943
5	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N19DLK3	8	5	5	5		5.0	6.0	5.9	Năm phẩy Chín	54001

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	12	63%	
2	Số sinh viên nợ	7	37%	
TỔNG CỘNG :		19	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân